

Số: 344/2021/QĐST-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 15 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 314/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Kim T**, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Thôn 11, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số nhà 381, tổ dân phố 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Kim T và anh Nguyễn Xuân H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2021 cho chị Lưu Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Xuân H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lưu Kim T là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 trở đi đến khi cháu Nguyễn Hải Đ đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh Nguyễn Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung:* Chị Lưu Kim T và anh Nguyễn Xuân H đều xác định không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung:* Chị Lưu Kim T và anh Nguyễn Xuân H đều xác định không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí:* Chị Lưu Kim T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lưu Kim T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số AA/2021/0000151, ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Lưu Kim T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Xuân H phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ (để thi hành);
- UBND phường P (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn